

DỰ THẢO**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2016 - 2020
VÀ MỤC TIÊU KINH DOANH NHIỆM KỲ 2021 - 2025**

Kính thưa Quý cổ đông!

Với nỗ lực, quyết tâm của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên, HAMACO đã tận dụng được cơ hội, vượt qua khó khăn, đạt được kết quả khả quan trong năm 2020 cũng như nhiệm kỳ 2016 - 2020. Tuy nhiên, Công ty cũng còn nhiều tồn tại, Ban điều hành phải khắc phục để phát triển bền vững.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần này, Hội đồng quản trị xin báo cáo đến Quý cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, nhiệm kỳ 2016 - 2020 và mục tiêu kinh doanh nhiệm kỳ 2021 - 2025, mục tiêu kinh doanh năm 2021, như sau:

PHẦN I:**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾT
QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2016 - 2020****I. Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020****1. Tình hình chung**

Với những diễn biến phức tạp của thị trường, nền kinh tế gặp khó khăn, dịch bệnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến các mặt hàng kinh doanh của Công ty, một số ngành hàng không đạt được mục tiêu đề ra.

Bên cạnh đó, nhiều ngành hàng đã tận dụng được lợi thế, khai thác tốt tiềm năng, nâng cao hiệu quả, nhất là các ngành hàng sản xuất, đóng góp lớn vào hiệu quả chung cho tập đoàn.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020**a. Sản lượng/Doanh thu**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% thực hiện kế hoạch 2020	Tăng/giảm 2020 so 2019
Thép	Tấn	150.000	156.700	104%	14%
Xi măng	Tấn	200.000	208.600	104%	13%
Gas	Tấn	8.400	6.000	71%	-35%
Dầu nhờn	M ³	1.400	970	69%	-15%
Xăng dầu	M ³	2.200	1.570	71%	-15%
Sơn	Tr.đ	60.000	73.240	122%	36%
Bê tông	Tr.đ	540.000	570.210	106%	18%
Hàng tiêu dùng	Tr.đ	500.000	452.700	91%	4%

- Sản lượng thép năm 2020 đạt vượt kế hoạch và tăng so với năm 2019 do mở rộng thêm thị trường Vĩnh Long.
- Sản lượng xi măng năm 2020 đạt vượt kế hoạch và tăng so với năm 2019, nguyên nhân do tăng sản lượng phục vụ cho ngành bê tông.
- Mặt hàng gas không đạt kế hoạch và giảm nhiều so với năm 2019 do Công ty chủ động giảm sản lượng ở các thị trường không hiệu quả.
- Ngành dầu nhờn đạt kế hoạch thấp nhất và tiếp tục giảm do nhà cung cấp sắp xếp lại hệ thống tiêu thụ, khu vực bán hàng bị cắt giảm.
- Xăng dầu không đạt kế hoạch và giảm so với năm 2019 do kinh doanh không hiệu quả nên chuyển sang cho thuê.
- Ngành sơn đạt kế hoạch và tăng cao so với năm 2019 do nhà cung cấp giao thêm thị trường mới.
- Ngành bê tông đạt vượt kế hoạch và tiếp tục tăng trưởng do bê tông tươi tăng sản lượng ở trạm Vĩnh Long.
- Hàng tiêu dùng đạt kế hoạch và tăng so với năm trước do đã đi vào hoạt động ổn định và khai thác tốt thị trường.

b. Doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% thực hiện kế hoạch 2020	Tăng/giảm 2020 so 2019
Doanh thu	Tr.đ	3.400.000	3.218.928	95%	3,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	25.000	35.980	144%	35,6%
Hiệu quả hoạt động	%	0,74	1,12		

Doanh thu năm 2020 đạt vượt kế hoạch, đồng thời tăng hơn so với năm trước do hầu hết các mặt hàng kinh doanh của Công ty đều tăng sản lượng và doanh thu.

Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận đạt vượt kế hoạch do hiệu quả của ngành bê tông, thép.

c. Tình hình tài chính trọng yếu

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2019	2020
Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	608.947	740.319
Tài sản dài hạn	Tr.đ	346.129	372.653
Tổng tài sản	Tr.đ	955.076	1.112.973

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2019	2020
Phải thu khách hàng	Tr.đ	230.207	220.353
Hàng tồn kho	Tr.đ	181.200	219.612

d. Cơ cấu vốn

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2019	2020
- Tổng nợ phải trả	Tr.đ	787.500	941.095
+ Nợ vay ngắn hạn	Tr.đ	589.010	698.879
+ Nợ dài hạn	Tr.đ	198.490	237.819
- Tổng vốn chủ sở hữu	Tr.đ	167.576	176.274
Tổng nguồn vốn	Tr.đ	955.076	1.112.973

e. Năng lực hoạt động và khả năng thanh toán

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2019	2020
Vòng quay nợ phải thu khách hàng	Ngày	16	13
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	19	15
Vòng quay nợ phải trả	Ngày	15	16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,78

f. Cơ cấu chi phí

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2019	2020
Chi phí giá vốn hàng bán	Tr.đ	2.918.477	2.981.388
Chi phí bán hàng	Tr.đ	92.373	129.501
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	37.574	42.478
Chi phí lãi vay ngân hàng	Tr.đ	31.255	37.613

g. Đầu tư xây dựng cơ bản

Hạng mục	Đơn vị tính	2019	2020
Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	58.225	47.655

h. Thu nhập bình quân của người lao động

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2019	2020
Thu nhập bình quân/người/tháng	Nghìn đồng	11.326	12.102

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ nhờ sự chỉ đạo, giám sát kịp thời của Hội đồng quản trị.

Bên cạnh các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị còn tổ chức các cuộc họp đột xuất đã chỉ đạo kịp thời, phù hợp hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một số quyết định quan trọng đã được thông qua như sau:

- Sửa chữa và đưa vào hoạt động trạm bê tông C22 Lê Hồng Phong;
- Xây dựng và đưa vào hoạt động trạm bê tông Vĩnh Long;
- Sửa chữa và đưa vào hoạt động kho thép, xi măng Vĩnh Long;
- Xây dựng và đưa vào hoạt động kho thép, xi măng Sóc Trăng;
- Thành lập Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO và xây dựng hoàn thành 90% nhà máy phối trộn xi măng;
- Mua cổ phần Công ty Cổ phần Bê tông HAMACO nâng tỷ lệ vốn góp lên hơn 81,3%.

Hội đồng quản trị luôn chủ động, thảo luận thường xuyên, hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc.

4. Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được Ban Tổng Giám đốc thực hiện, báo cáo, thông tin, thảo luận và xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong điều hành, báo cáo kinh doanh.

Các vướng mắc, những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh được Ban Tổng Giám đốc giải quyết kịp thời thông qua việc duy trì lịch họp giao ban tháng, họp bất thường khi có phát sinh.

Ban Tổng Giám đốc nhận định những lợi thế, linh hoạt trong điều hành hàng ngày, điều chỉnh kịp thời quyết sách kinh doanh đã mang lại hiệu quả hầu hết các ngành kinh doanh. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề còn tồn tại, Ban Tổng Giám đốc cần điều chỉnh kịp thời hơn, quyết liệt hơn ở những ngành hàng chưa hiệu quả.

Nhìn lại năm 2020, Ban điều hành đã nhận thấy những vấn đề cần thay đổi trong năm 2021 để điều chỉnh phù hợp, đạt hiệu quả cao hơn.

5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

a. Giám sát hoạt động

Ban kiểm toán nội bộ đã tiến hành hoạt động kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 trong việc quản lý, điều hành của Công ty.

Một số hoạt động cụ thể như:

- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính năm 2020 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy định của Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Qua hoạt động kiểm soát thực tế tại các đơn vị, Ban Kiểm toán nội bộ đã phát hiện và đề nghị điều chỉnh những hoạt động không phù hợp. Bên cạnh đó cũng cảnh báo những sai sót, rủi ro.
- Ban kiểm toán nội bộ của đã có các kiến nghị phù hợp, kịp thời giúp Ban điều hành điều chỉnh kịp thời. Đồng thời có những đóng góp trong hoạt động nội bộ nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả hơn trong hoạt động của tập đoàn.
- Ban kiểm toán nội bộ được duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban điều hành các công ty con tiến hành cải tiến trong hệ thống quản lý nội bộ.

c. Kiểm soát tài chính

Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định tại chế độ báo cáo tài chính đối với các doanh nghiệp, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.

II. Báo cáo hoạt động kinh doanh 2016 - 2020

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng/doanh thu 2016 - 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Thép	Tấn	91,190	121,350	115,020	137,790	156.700
Xi măng	Tấn	223,220	163,080	172,000	183,840	208.600
Gas	Tấn	11,090	9,800	8,280	9,300	6.000
Dầu nhờn	M ³	1,360	1,505	1,320	1,140	970
Xăng dầu	M ³	1,800	1,810	1,750	1,840	1.570
Sơn	Tr.đ	42,000	50,200	57,500	53,950	73.240
Bê tông	Tr.đ	192,968	224,882	392,600	484,000	570.210
Hàng tiêu dùng	Tr.đ			49,460	433,480	452.700

- Thép có xu hướng tăng trưởng ổn định qua các năm. Đó là kết quả của việc chuyển hướng thị trường từ TP. HCM sang tập trung tăng trưởng sản lượng tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long thông qua các chi nhánh. Đồng thời, Công ty đã tận dụng được cơ hội thâm nhập thị trường của các thương hiệu mới.
- Sản lượng xi măng cũng có xu hướng tăng trưởng ổn định nhưng sản lượng năm 2020 vẫn chưa bằng năm 2016. Nguyên nhân chính do phân phối xi măng không

hiệu quả nên Công ty chủ động giảm sản lượng. Sản lượng tăng từ năm 2017 chủ yếu do tăng sản lượng xi măng xá phục vụ cho ngành bê tông.

- Ngược lại hai mặt hàng trên, mặt hàng gas có xu hướng giảm dần sản lượng. Nguyên nhân giảm do tình hình cạnh tranh, Công ty sắp xếp lại thị trường, giảm bớt các thị trường không hiệu quả.
- Cũng giống như ngành gas, ngành dầu nhờn cũng có xu hướng giảm. Nhưng nguyên nhân chính do thị trường biến động lớn, việc thay đổi trong phương thức kinh doanh chưa kịp thời.
- Mặt hàng xăng dầu tương đối ổn định do Công ty chỉ có một cây xăng, chưa có kế hoạch phát triển.
- Tốc độ tăng trưởng của mặt hàng sơn bị chững lại vào năm 2019 do tình hình cạnh tranh của các thương hiệu sơn mới do quá trình hội nhập quốc tế. Năm 2020 tăng nhanh do phát triển thêm địa bàn phân phối.
- Ngành bê tông tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2016 - 2020, nhất là từ năm 2018 do giữa năm 2018, nhà máy cọc bê tông đi vào hoạt động.
- Ngành hàng tiêu dùng bắt đầu kinh doanh từ tháng 9 năm 2019 và đến nay đã đi vào hoạt động ổn định.

2. Doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động 2016 - 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu	Tr.đ	1,555,064	2,182,994	2,422,647	3,103,760	3.218.928
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	16,315	28,166	14,968	26,543	35.980
Hiệu quả hoạt động	%	1.05	1.29	0.62	0.86	1,12

3. Tình hình tài chính trọng yếu 2016 - 2020

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	249.578	480.813	419.656	608.947	740.319
Tài sản dài hạn	Tr.đ	105.032	291.757	314.531	346.129	372.653
Tổng tài sản	Tr.đ	354.610	772.570	734.187	955.076	1.112.973

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Phải thu khách hàng	Tr.đ	80.379	145.448	156.407	230.207	220.353
Hàng tồn kho	Tr.đ	113.567	245.022	121.224	181.200	219.612

4. Cơ cấu vốn 2016 - 2020

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng nợ phải trả	Tr.đ	269.550	640.372	586.810	787.500	941.095
+ Nợ vay ngắn hạn	Tr.đ	247.226	546.905	487.803	589.010	698.879
+ Nợ dài hạn	Tr.đ	22.324	93.467	99.007	198.490	237.819
Tổng vốn chủ sở hữu	Tr.đ	85.059	132.198	147.377	167.576	176.274
Tổng nguồn vốn	Tr.đ	354.609	772.571	734.187	955.076	1.112.973

5. Năng lực hoạt động và khả năng thanh toán 2016 - 2020

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Vòng quay nợ phải thu khách hàng	Ngày	17	19	23	16	13
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	20	32	29	19	15
Vòng quay nợ phải trả	Ngày	50	25	34	15	16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,01	0,88	0,86	0,73	0,78

6. Cơ cấu chi phí 2016 - 2020

Hạng mục	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Chi phí giá vốn hàng bán	Tr.đ	1.466.843	2.053.385	2.285.974	2.918.477	2.981.388
Chi phí bán hàng	Tr.đ	54.207	69.896	62.482	92.373	129.501
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	15.834	21.238	36.145	37.574	42.478
Chi phí lãi vay ngân hàng	Tr.đ	5.381	16.609	26.530	31.255	37.613

7. Đầu tư xây dựng cơ bản

Hạng mục	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	5.857	14.417	44.800	58.225	47.655

8. Thu nhập bình quân của người lao động

Hạng mục	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Thu nhập bình quân/người/tháng	Tr.đ	9.358	10.314	11.162	11.326	12.102

PHẦN II:
MỤC TIÊU KINH DOANH NHIỆM KỲ 2021 - 2025
VÀ MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2021

I. Mục tiêu kinh doanh 2021 - 2025

1. Nhận định tình hình chung

- Chính phủ tiếp tục đặc mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn 2021 - 2025, chỉ tiêu đặt ra về tăng trưởng GDP cho năm 2021 là 6% và giai đoạn 2021 - 2025 là 6,5 - 7%. Với mục tiêu phát triển này tạo điều kiện cho các ngành hàng kinh doanh của Công ty tăng trưởng tốt nhất là ngành vật liệu xây dựng.
- Tuy vậy, quá trình hội nhập chắc chắn sẽ nhanh hơn nhiều so với giai đoạn 2016 - 2020 từ đó mang đến nhiều khó khăn và thách thức hơn. Giai đoạn 2021 - 2025 đòi hỏi Công ty phải tiếp tục khai thác tốt các lợi thế, nhanh chóng áp dụng công nghệ trong quản trị nội bộ và đặc biệt là điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp, kịp thời theo từng thời điểm, từng ngành hàng.

2. Sứ mạng

- HAMACO quyết tâm xây dựng trở thành đơn vị hàng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong lĩnh vực sản xuất, phân phối các mặt hàng: thép, xi măng, sơn, gas đốt, dầu nhớt, hàng tiêu dùng,... trên cơ sở phát triển bền vững về mọi mặt;
- Không ngừng thỏa mãn yêu cầu về hàng hóa và dịch vụ ngày càng cao của khách hàng;
- Đào tạo đội ngũ lao động có trình độ chuyên nghiệp, được làm việc trong môi trường thuận lợi, có cơ hội thăng tiến và cùng sở hữu doanh nghiệp;
- Bảo toàn và phát triển vốn, đem lại lợi nhuận và cổ tức ngày càng cao cho cổ đông;
- Xây dựng hình ảnh tốt đẹp của HAMACO đối với khách hàng và công chúng góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.

3. Mục tiêu 2021 - 2025

- Sản lượng các mặt hàng kinh doanh tăng trưởng từ 5% - 15%/năm.
- Phân đầu đến năm 2025, doanh thu trên 5.000 tỷ đồng.
- Lợi nhuận/doanh thu > 1%.
- Duy trì mức chi trả cổ tức hàng năm trên 10%/năm.
- Phát triển hệ thống kho, bãi đáp ứng nhu cầu dự trữ, phục vụ khách hàng.

4. Định hướng kế hoạch đầu tư phương tiện và xây dựng cơ bản 2021 - 2025

- Hoàn thiện, cơ giới hóa hiện đại hệ thống kho bãi hiện có của Công ty.
- Đầu tư kho bãi tại các khu vực chưa có đơn vị, chi nhánh của Công ty.
- Đầu tư các phương tiện cơ giới đảm bảo dịch vụ giao nhận hàng ngày càng thỏa mãn khách hàng.

5. Các giải pháp thực hiện mục tiêu 2016 - 2020

a. Hợp tác chiến lược với nhà cung cấp

- Tăng cường hợp tác chiến lược với nhà cung cấp nhằm tận dụng được lợi thế của Công ty, tăng năng lực cạnh tranh, khai thác tốt nhất hệ thống nội bộ.
- Phối hợp tốt với nhà cung cấp, điều chỉnh chính sách, phương pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh phù hợp với từng thời kỳ, kịp thời và linh hoạt.
- Tận dụng quá trình hội nhập quốc tế phát triển thêm các ngành hàng mới khai thác được lợi thế và hỗ trợ cho các ngành hàng hiện có.

b. Xây dựng hệ thống nội bộ hiện đại

- Hoàn thiện và xây dựng mới hệ thống kho bãi, nhà máy hiện đại, áp dụng công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách hàng.
- Xây dựng, đào tạo, tuyển dụng đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty.
- Áp dụng công nghệ trong quản trị nội bộ, quản lý sản xuất, quản lý bán hàng nhằm tăng năng suất lao động, tăng mức độ hài lòng của khách hàng.

c. Phát triển thị trường, khách hàng

- Mở rộng thêm các thị trường Công ty chưa phân phối hoặc phân phối sản lượng thấp tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Phát triển thêm khách hàng lớn, hợp tác lâu dài nhằm ổn định nguồn ra của sản phẩm, nhất là các sản phẩm do Công ty sản xuất.

III. Mục tiêu kinh doanh năm 2021

1. Tình hình chung

Nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức 6% trong năm 2021. Tuy dịch bệnh hiện nay đã được kiểm soát nhưng nền kinh tế luôn trong trạng thái mới và nhiều khó khăn hơn.

Từ đó, các ngành kinh doanh của Công ty được nhận định tăng trưởng chậm, nhất là các ngành hàng như: gas, dầu nhờn, hàng tiêu dùng và cả ngành vật liệu xây dựng.

Tuy vậy, với kinh nghiệm và lợi thế của hệ thống, Công ty có nhiều điều kiện để giữ vững hoạt động sản xuất và tăng trưởng nhanh các mặt hàng.

Vì vậy, Hội đồng quản trị tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2021.

2. Mục tiêu chung

- Sản lượng tăng từ 10% đến 20% đối với các mặt hàng chính.
- Tiếp tục ổn định hoạt động theo hướng phát triển nhanh khi có cơ hội.
- Bảo toàn và phát triển vốn cho cổ đông.

3. Mục tiêu cụ thể

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tăng/giảm 2021 so 2020
1. Doanh thu	Tr.đ	3,256,189	3,500,000	07%
2. Sản lượng hàng hóa				
- Thép	Tấn	156.700	170,000	08%
- Xi măng	Tấn	208.600	260,000	25%

- Gas	Tấn	6.000	7,700	28%
- Dầu nhờn	M ³	970	1,500	55%
- Sơn	Tr.đ	73.240	120,000	64%
- Bê tông	Tr.đ	570.210	580,000	02%
- Hàng tiêu dùng	Tr.đ	452.700	500,000	10%
3. Đầu tư phương tiện, xây dựng cơ bản	Tr.đ	47.655	55.000	15%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	35.980	38.000	6%
5. Cổ tức (%/mệnh giá cổ phiếu)	%	14	10	0%

Mặt hàng xi măng tăng cao do Công ty bắt đầu sản xuất xi măng từ tháng 3 năm 2021. Ngành dầu nhờn tăng cao do Công ty phân phối thêm thương hiệu mới. Mặt hàng sơn doanh thu tăng gần gấp đôi do phân phối thêm địa bàn mới.

4. Các giải pháp chính thực hiện mục tiêu 2021

Mục tiêu năm 2021 với mức độ tăng trưởng cao đòi hỏi Ban điều hành phải tận dụng được các lợi thế và có quyết sách phù hợp, kịp thời. Trong đó có một số giải pháp cơ bản như sau:

- Về sản xuất, các trạm trộn, các nhà máy sản xuất tăng năng suất lao động, giảm giá thành thông qua việc sử dụng công nghệ giảm chi phí sản xuất, giảm hàng kèm phẩm chất, giảm hàng tồn kho,...
- Về phân phối, Công ty mở rộng thị trường đối với các sản phẩm kinh doanh tại các thị trường còn trống, khai thác các lợi thế, tập trung vào các mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao hơn.
- Về tổ chức và quản lý, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ theo mô hình tập đoàn (Công ty mẹ - Công ty con) với xu hướng tinh gọn bộ máy. Đặc biệt, tập đoàn thực hiện theo phương châm phát huy hiệu quả cao nhất lợi thế của hệ thống HAMACO.
- Về đầu tư, phát triển, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống kho bãi, xếp dỡ hiện tại tiết kiệm chi phí xếp dỡ, tiết kiệm thời gian, nâng cao dịch vụ phục vụ khách hàng.
- Về quản lý nguồn vốn, Công ty chú trọng nâng cao công tác tài chính, kiểm soát tốt rủi ro, phản ánh trung thực tình hình kinh doanh.

Trên đây là báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2016 - 2020, mục tiêu kinh doanh nhiệm kỳ 2021 - 2025 và mục tiêu kinh doanh năm 2021 của Hội đồng Quản trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		740.319.539.430	608.765.868.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		64.100.831.670	71.912.130.160
1. Tiền	111	V.1	64.100.831.670	67.901.209.524
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.010.920.636
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.962.935.399	20.355.472.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	4.109.600.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(2.769.128.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	27.962.935.399	19.015.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		411.148.687.827	322.401.718.362
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	220.353.435.086	230.206.846.008
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	102.568.503.015	22.381.307.456
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	83.000.000.000	64.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	24.160.758.992	22.576.882.433
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(18.934.009.266)	(16.792.086.322)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	28.768.787
IV. Hàng tồn kho	140		219.612.137.707	181.200.156.966
1. Hàng tồn kho	141	V.8	219.612.137.707	181.200.156.966
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.494.946.827	12.896.390.930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	4.583.164.794	4.038.774.335
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.498.805.024	8.857.616.595
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	412.977.009	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		372.653.445.011	346.310.023.175
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.739.412.243	6.551.480.400
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	125.242.243	181.430.400
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.614.170.000	6.370.050.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		339.118.601.872	301.274.959.627
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	222.867.991.854	183.315.527.681
- Nguyên giá	222		364.159.292.760	300.404.109.899
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.291.300.906)	(117.088.582.218)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	116.250.610.018	117.959.431.946
- Nguyên giá	228		130.522.468.374	130.392.468.374
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.271.858.356)	(12.433.036.428)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	8.937.655.702	9.376.310.709
- Nguyên giá	231		13.926.703.096	13.926.703.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.989.047.394)	(4.550.392.387)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.989.695.432	17.841.742.891
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	5.989.695.432	17.841.742.891
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.500.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	4.500.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.368.079.762	9.265.529.548
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.321.613.700	3.587.641.585
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	824.184.446	780.041.288
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	4.222.281.616	4.897.846.675
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.112.972.984.441	955.075.891.593

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		936.698.727.729	787.499.913.445
I. Nợ ngắn hạn	310		698.879.006.572	589.010.191.201
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	195.907.340.479	210.241.277.696
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	9.729.062.691	8.661.476.221
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	5.232.024.410	5.954.619.195
4. Phải trả người lao động	314	V.19	17.567.797.001	11.380.167.690
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	4.543.760.741	3.672.523.422
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21a	317.544.429	360.964.451
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	4.796.528.762	3.621.475.406
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	458.045.508.925	342.244.421.621
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	2.739.439.134	2.873.265.499
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		237.819.721.157	198.489.722.244
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21b	372.744.834	372.744.834
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	1.386.000.000	831.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	236.060.976.323	197.285.977.410
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

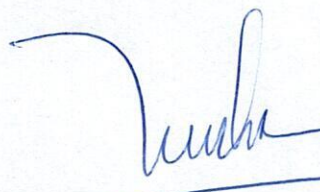
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

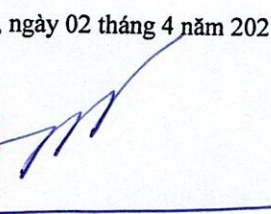
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.274.256.712	167.575.978.148
I. Vốn chủ sở hữu	410		176.274.256.712	167.575.978.148
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25a	62.253.990.000	62.253.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		62.253.990.000	62.253.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25a	622.500.000	622.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25a	32.874.131.721	27.056.321.055
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25a	53.405.316.163	34.169.232.877
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.309.678.159	34.169.232.877
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		28.095.638.004	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25a	27.118.318.828	43.473.934.216
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.112.972.984.441	955.075.891.593


Lâm Thị Thu Hiền
 Người lập


Lâm Thị Trúc Hà
 Kế toán trưởng


Mai Bảo Ngọc
 Tổng Giám đốc



TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

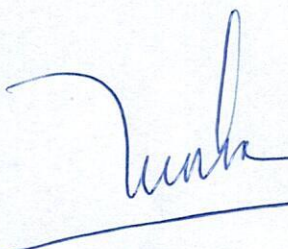
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

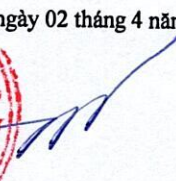
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.224.995.855.568	3.103.760.014.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.067.577.633	5.731.590.193
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.218.928.277.935	3.098.028.424.207
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.981.388.486.205	2.919.200.978.386
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		237.539.791.730	178.827.445.821
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.241.293.355	6.401.625.933
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	36.607.034.651	32.410.952.807
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.613.968.770	31.255.810.809
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	129.501.667.548	91.650.195.676
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	42.478.151.750	37.574.662.742
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.194.231.136	23.593.260.529
12. Thu nhập khác	31	VI.8	8.383.737.808	7.472.420.054
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.475.406.417	701.779.381
14. Lợi nhuận khác	40		6.908.331.391	6.770.640.673
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.102.562.527	30.363.901.202
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	7.166.959.693	4.245.065.038
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(44.143.158)	(423.971.583)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.979.745.992	26.542.807.747
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		31.208.337.504	19.392.702.221
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.771.408.488	7.150.105.526
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	4.637	2.881
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	4.637	2.881


Lâm Thị Thu Hiền
Người lập


Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng


Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc



TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.102.562.527	30.363.901.202
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,V.11, V.12	33.427.545.554	25.747.004.742
- Các khoản dự phòng	03		(627.205.056)	5.443.667.518
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(10.789.179)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.804.721.247)	(1.906.933.046)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	37.613.968.770	31.255.810.809
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		110.701.361.369	90.903.451.225
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(75.141.383.918)	(87.410.844.350)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.411.980.741)	(59.975.972.448)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.577.739.471)	18.022.774.890
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.278.362.574)	15.448.041
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		4.109.600.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(36.040.553.998)	(31.848.006.565)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(8.525.790.730)	(1.830.957.448)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24	(1.497.882.644)	(841.038.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71.662.732.707)	(72.965.145.195)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,V.11, V.13	(58.980.485.333)	(57.742.212.524)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	445.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.966.377.035)	(82.141.788.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.665.588.838	20.348.084.503
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.180.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a,VI.4	1.747.962.308	1.333.493.259
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.533.311.222)	(120.936.968.216)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

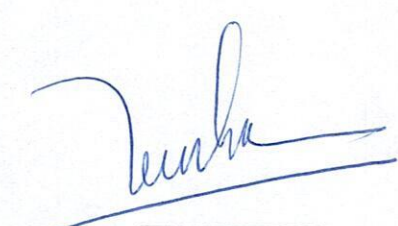
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	6.843.880.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23a,b	3.175.833.571.470	3.176.289.368.691
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23a,b	(3.021.257.485.253)	(2.996.595.795.267)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25a	(8.195.391.900)	(9.265.768.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		146.380.694.317	177.271.684.724
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.815.349.612)	(16.630.428.687)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	71.912.130.160	88.542.558.847
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.051.122	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64.100.831.670	71.912.130.160

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 4 năm 2021


Lâm Thị Thu Hiền
Người lập


Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng


Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0155/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 02 tháng 4 năm 2020, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số: -BC/HĐQT.2021

Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO
THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THU NHẬP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc chi thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Tổng Giám đốc năm 2020, như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	% so với kế hoạch
Lợi nhuận sau thuế	25.000.000.000	35.979.745.992	144%
Tổng thù lao Hội đồng quản trị	525.000.000	780.208.438	148%
Thu nhập của Tổng Giám đốc		480.240.000	
Thu nhập bình quân/tháng của Tổng Giám đốc (đ/tháng)		40.020.000	

Hội đồng quản trị xin kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hoàng Nam

Số: -TTr/HĐQT.2021

Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: xin ý kiến biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt những vấn đề sau:

Vấn đề 1: Thông qua phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, thù lao Hội đồng quản trị năm 2020

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	:	35.979.745.992 đồng;
- Cổ đông không kiểm soát	:	-4.771.408.488 đồng;
- Cổ đông Công ty HAMACO	:	31.208.337.504 đồng;
Phân phối như sau:		
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3%)	:	936.250.125 đồng;
+ Chi trả cổ tức (14%/mệnh giá)	:	8.715.558.600 đồng;
+ Thù lao Hội đồng quản trị (2.5%/lợi nhuận sau thuế hợp nhất)	:	780.208.438 đồng.

Vấn đề 2: Thông qua kế hoạch năm 2021

- Doanh thu hợp nhất	:	3.500 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	:	38 tỷ đồng;
- Đầu tư phương tiện và xây dựng cơ bản	:	55 tỷ đồng;
- Chi trả cổ tức	:	10%/mệnh giá cổ phiếu.

Vấn đề 3: Thông qua kế hoạch chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2021

Để chủ động trong việc lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2021, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán thuộc danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện việc kiểm toán năm tài chính 2021.

Vấn đề 4: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2021

Thù lao Hội đồng quản trị: 2,5%/lợi nhuận sau thuế hợp nhất.

Vấn đề 5: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Để phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành, các Thông tư và các Nghị định hướng dẫn. Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán được trình bày theo các file kèm theo.

Vấn đề 6: Phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (gọi tắt là cổ phiếu thưởng)

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000đ.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 3.112.699 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 31.126.990.000 đồng.
- Mục đích phát hành: Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ quỹ đầu tư phát triển tích lũy đến cuối năm 2020.
- Đối tượng phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của HAMACO tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ phát hành: 2:1. Theo đó, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu thưởng, cổ đông sở hữu mỗi 02 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu thưởng.
- Nguồn vốn thực hiện: Quỹ đầu tư phát triển tích lũy đến cuối năm 2020.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 103 cổ phần, theo tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu là 2:1, khi đó tính lượng cổ phiếu mà cổ đông A nhận được là: $(103/2) \times 1 = 51,5$ cổ phiếu. Căn cứ quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì cổ đông A sẽ được nhận 51 cổ phiếu thưởng.
- Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2021, sau khi có văn bản chấp thuận của UBCKNN cho phép phát hành.
- Cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ đông trong HAMACO không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật:
 - + Lựa chọn đại lý phát hành, đại lý thanh toán, bên bảo lãnh phát hành (nếu có), tổ chức tư vấn luật và bên thứ ba nào khác liên quan đến việc phát hành.
 - + Ký kết và thực hiện thỏa thuận, ký kết hợp đồng có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu thưởng.

- + Quyết định phương án chi tiết phát hành cổ phiếu thưởng bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc phát hành của Công ty được thực hiện và hoàn thành một cách hợp pháp và theo quy định hiện hành.
- + Triển khai các công việc, thủ tục cần thiết để thay đổi đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi điều lệ, vốn điều lệ công ty sau khi phát hành.
- + Triển khai thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án trên tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.
- + Thực hiện các công việc khác có liên quan.

Vấn đề 7: Phương án chào bán cổ phiếu cho CBNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Chương trình ESOP)

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000đ.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 300.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 3.000.000 đồng.
- Giá chào bán dự kiến: 10.000đ/cổ phiếu.
- Mục đích phát hành: Tạo động lực cho cán bộ nhân viên, cán bộ quản lý trong công ty. Thu hút lao động có trình độ cao, gắn kết lợi ích của người lao động với lợi ích Công ty.
- Đối tượng chào bán: Chào bán cho cán bộ nhân viên, người lao động đang làm việc tại HAMACO (gọi tắt là CBNV) theo Quy định của Chương trình ESOP.
- Chuyển nhượng quyền mua: CBNV không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác nếu không mua.
- Trường hợp cán bộ nhân viên không mua hết số cổ phiếu chào bán theo Chương trình ESOP thì Hội đồng quản trị có quyền bán số còn lại cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư mới do Hội đồng quản trị quyết định bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện thủ tục. Giá chào bán không thấp hơn mức 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến thực hiện: Thực hiện cùng với đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu (số cổ phiếu theo Chương trình ESOP này không được hưởng quyền thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nêu tại vấn đề 6 - cổ phiếu thưởng).
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần đã chào bán cho CBNV theo Chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật:

- + Phê duyệt tiêu chuẩn và danh sách CBNV được tham gia Chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và kế hoạch thực hiện.
- + Lựa chọn đại lý phát hành, đại lý thanh toán, bên bảo lãnh phát hành (nếu có), tổ chức tư vấn luật và bên thứ ba nào khác liên quan đến việc phát hành.
- + Ký kết và thực hiện thỏa thuận, ký kết hợp đồng có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu cho CBNV.
- + Quyết định phương án chi tiết phát hành cổ phiếu thưởng bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc phát hành của Công ty được thực hiện và hoàn thành một cách hợp pháp và theo quy định hiện hành.
- + Triển khai các công việc, thủ tục cần thiết để thay đổi đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi điều lệ, vốn điều lệ công ty sau khi phát hành.
- + Triển khai thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án trên tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.
- + Thực hiện các công việc khác có liên quan.

Kính trình Quý cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hoàng Nam

Số: -NQ/ĐHĐCĐ.2021

Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Biên bản đại hội và kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, ngày 29/4/2021.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, đã thảo luận và nhất trí thông qua Nghị quyết của đại hội, với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, thù lao Hội đồng quản trị năm 2020

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	:	35.979.745.992 đồng;
- Cổ đông không kiểm soát	:	-4.771.408.488 đồng;
- Cổ đông Công ty HAMACO	:	31.208.337.504 đồng;
Phân phối như sau:		
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3%)	:	936.250.125 đồng;
+ Chi trả cổ tức (14%/mệnh giá)	:	8.715.558.600 đồng;
+ Thù lao Hội đồng quản trị (2.5%/lợi nhuận sau thuế hợp nhất)	:	780.208.438 đồng.

Điều 2: Thông qua kế hoạch năm 2021

- Doanh thu hợp nhất	:	3.500 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	:	38 tỷ đồng;
- Đầu tư phương tiện và xây dựng cơ bản	:	55 tỷ đồng;
- Chi trả cổ tức	:	10%/mệnh giá cổ phiếu.

Điều 3: Thông qua kế hoạch chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2021

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán thuộc danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện việc kiểm toán năm tài chính 2021.

Điều 4: Xem xét thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2021

Thù lao Hội đồng quản trị: 2,5%/lợi nhuận sau thuế hợp nhất.

Điều 5: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Đại hội đồng cổ đông thông qua tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi ban hành.

Điều 6: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (gọi tắt là cổ phiếu thưởng)

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000đ.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 3.112.699 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 31.126.990.000 đồng.
- Mục đích phát hành: Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ quỹ đầu tư phát triển tích lũy đến cuối năm 2020.
- Đối tượng phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của HAMACO tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ phát hành: 2:1. Theo đó, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu thưởng, cổ đông sở hữu mỗi 02 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu thưởng.
- Nguồn vốn thực hiện: Quỹ đầu tư phát triển tích lũy đến cuối năm 2020.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 103 cổ phần, theo tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu là 2:1, khi đó tính lượng cổ phiếu mà cổ đông A nhận được là: $(103/2) \times 1 = 51,5$ cổ phiếu. Căn cứ quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì cổ đông A sẽ được nhận 51 cổ phiếu thưởng.
- Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2021, sau khi có văn bản chấp thuận của UBCKNN cho phép phát hành.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần đã chào bán cho CBNV theo Chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 02 (hai) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ đông trong HAMACO không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật:
 - + Lựa chọn đại lý phát hành, đại lý thanh toán, bên bảo lãnh phát hành (nếu có), tổ chức tư vấn luật và bên thứ ba nào khác liên quan đến việc phát hành.

- + Ký kết và thực hiện thỏa thuận, ký kết hợp đồng có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu thưởng.
- + Quyết định phương án chi tiết phát hành cổ phiếu thưởng bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc phát hành của Công ty được thực hiện và hoàn thành một cách hợp pháp và theo quy định hiện hành.
- + Triển khai các công việc, thủ tục cần thiết để thay đổi đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi điều lệ, vốn điều lệ công ty sau khi phát hành.
- + Triển khai thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án trên tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.
- + Thực hiện các công việc khác có liên quan.

Điều 7: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho CBNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Chương trình ESOP)

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000đ.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 300.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 3.000.000 đồng.
- Giá chào bán dự kiến: 10.000đ/cổ phiếu.
- Mục đích phát hành: Tạo động lực cho cán bộ nhân viên, cán bộ quản lý trong công ty. Thu hút lao động có trình độ cao, gắn kết lợi ích của người lao động với lợi ích Công ty.
- Đối tượng chào bán: Chào bán cho cán bộ nhân viên, người lao động đang làm việc tại HAMACO (gọi tắt là CBNV) theo Quy định của Chương trình ESOP.
- Chuyển nhượng quyền mua: CBNV không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác nếu không mua.
- Trường hợp cán bộ nhân viên không mua hết số cổ phiếu chào bán theo Chương trình ESOP thì Hội đồng quản trị có quyền bán số còn lại cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư mới do Hội đồng quản trị quyết định bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện thủ tục. Giá chào bán không thấp hơn mức 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến thực hiện: Thực hiện cùng với đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu (số cổ phiếu theo Chương trình ESOP này không được hưởng quyền thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nêu tại vấn đề 6 - cổ phiếu thưởng).
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần đã chào bán cho CBNV theo Chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật:
 - + Phê duyệt tiêu chuẩn và danh sách CBNV được tham gia Chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và kế hoạch thực hiện.
 - + Lựa chọn đại lý phát hành, đại lý thanh toán, bên bảo lãnh phát hành (nếu có), tổ chức tư vấn luật và bên thứ ba nào khác liên quan đến việc phát hành.
 - + Ký kết và thực hiện thỏa thuận, ký kết hợp đồng có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu cho CBNV.
 - + Quyết định phương án chi tiết phát hành cổ phiếu thưởng bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc phát hành của Công ty được thực hiện và hoàn thành một cách hợp pháp và theo quy định hiện hành.
 - + Triển khai các công việc, thủ tục cần thiết để thay đổi đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi điều lệ, vốn điều lệ công ty sau khi phát hành.
 - + Triển khai thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án trên tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.
 - + Thực hiện các công việc khác có liên quan.

Điều 8: Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Danh sách trúng cử:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Điều 9: Ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, nhất trí ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị, chủ động triển khai cụ thể nội dung của Nghị quyết này.



Lê Hoàng Nam